

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÔN NGỮ ANH

Mã số: 72 20 201

(Ban hành kèm theo Quyết định số 315/QĐ-ĐHHV ngày 07/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	Học phần	Số TC
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	40
I.1	Bắt buộc	38
-	Lý luận chính trị	11
-	Ngoại ngữ đại cương	10
-	Tin học đại cương	2
-	Pháp luật đại cương	2
-	Kỹ năng mềm	2
-	Kiến thức Toán, KHTN, KHXH	11
-	Giáo dục thể chất	(90 giờ)
-	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(165 giờ)
I.2	Tự chọn (theo lĩnh vực hoặc nhóm ngành)	2
II	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	38
II.1	Bắt buộc	36
II.2	Tự chọn	2
III	KIẾN THỨC NGÀNH	39
III.1	Bắt buộc	35
III.2	Tự chọn	4
IV	THỰC TẬP, ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	13
-	Thực tập 1	3
-	Thực tập 2	5
-	Đề án tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế Đề án tốt nghiệp	5
TỔNG:		130

2. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/TN/TL	Tự học	
I		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	40				
I.1		Bắt buộc	38				
1	DPT319	Triết học Mác - Lênin	3	30	30	90	
2	DPT220	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	20	20	60	DPT319
3	DPT215	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	20	60	DPT220
4	DPT207	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	20	60	DPT215
5	DPT221	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	20	60	DPT207
		Ngoại ngữ đại cương (Chọn 1 ngoại ngữ)					
6	LCC350	Tiếng Trung 1	3	30	30	90	

7	LCC251	Tiếng Trung 2	2	20	20	60	
8	LCC252	Tiếng Trung 3	2	20	20	60	
9	LCC353	Tiếng Trung 4	3	30	30	90	
6	JAP401	Tiếng Nhật 1	4	45	30	125	
7	JAP402	Tiếng Nhật 2	4	45	30	125	
8	JAP203	Tiếng Nhật 3	2	20	20	60	
10	PHE101	Giáo dục thể chất 1	(1)				
11	PHE102	Giáo dục thể chất 2	(1)				
12	PHE103	Giáo dục thể chất 3	(1)				
13	NDE801	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(165T)				
14	CPS201	Tin học đại cương	2	10	40	50	
15	PSY234	Kỹ năng mềm	2	15	30	55	
16	DPT213	Pháp luật đại cương	2	20	20	60	
17	GET231	Tiếng Anh thư tín thương mại	2	20	20	60	
18	TAM201	Tổ chức sự kiện	2	20	20	60	
19	BAD256	Khởi nghiệp	2	20	20	60	
20	ETM224	Kỹ năng thuyết trình	2	20	20	60	
21	LCE306	Văn hóa các nước nói tiếng Anh	3	30	30	90	
I.2		Tự chọn (Chọn 1 học phần)	2				
22	PHI249	Phân tích văn bản tiếng Việt	2*	20	20	60	
	HIS219	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2*	20	20	60	
	ECO252	Kinh tế học đại cương	2*	20	20	60	
	TAC204	Nghiệp vụ văn phòng	2*	20	20	60	
	TAC202	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2*	20	20	60	
II		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	38				
II.1		Bắt buộc	36				
23	ETM203	Kỹ năng phát âm tiếng Anh	2	20	20	60	
24	LCE214	Ngữ pháp	2	20	20	60	
25	ETM304	Nghe 1	3	30	30	90	
26	ETM305	Nói 1	3	30	30	90	
27	ETM306	Đọc 1	3	30	30	90	
28	ETM307	Viết 1	3	30	30	90	
29	ETM330	Nghe 2	3	30	30	90	
30	ETM309	Nói 2	3	30	30	90	
31	ETM331	Đọc 2	3	30	30	90	
32	ETM332	Viết 2	3	30	30	90	
33	ETM234	Nghe 3	2	20	20	60	
34	ETM235	Nói 3	2	20	20	60	
35	ETM236	Đọc 3	2	20	20	60	
36	ETM237	Viết 3	2	20	20	60	
II.2		Tự chọn (Chọn 1 học phần)	2				
37	LCE220	Ngôn ngữ báo chí	2*	20	20	60	
	LCE209	Phân tích diễn ngôn	2*	20	20	60	
	LCE207	Giao tiếp giao văn hoá	2*	20	20	60	
III		KIẾN THỨC NGÀNH	39				
III.1		Bắt buộc	35				
38	ETM238	Nghe 4	2	20	20	60	
39	ETM239	Nói 4	2	20	20	60	



40	ETM240	Đọc 4	2	20	20	60	
41	ETM241	Viết 4	2	20	20	60	
42	ETM242	Nghe 5	2	20	20	60	
43	ETM243	Nói 5	2	20	20	60	
44	ETM244	Đọc 5	2	20	20	60	
45	ETM245	Viết 5	2	20	20	60	
46	LCE203	Ngữ âm - Âm vị học	2	20	20	60	
47	LCE304	Từ vựng – Ngữ nghĩa học	3	30	30	90	
48	GET223	Biên dịch 1	2	20	20	60	
49	GET224	Phiên dịch 1	2	20	20	60	
50	GET225	Biên dịch 2	2	20	20	60	
51	GET226	Phiên dịch 2	2	20	20	60	
52	LCE201	Phương pháp NCKH chuyên ngành tiếng Anh	2	20	20	60	
53	LCE208	Rèn luyện nghiệp vụ ngành Ngôn ngữ Anh	2	20	20	60	
54	GET234	Lý thuyết dịch	2	20	20	60	
III.2		Tự chọn (Chọn 2 học phần)	4				
55	LCE210	Văn học Anh Mỹ	2*	20	20	60	
	GET229	Tiếng Anh du lịch	2*	20	20	60	
56	GET232	Tiếng Anh nhà hàng, khách sạn	2*	20	20	60	
	LCE202	Ngôn ngữ học đối chiếu	2*	20	20	60	
IV		THỰC TẬP, ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	13				
57	LCE311	Thực tập 1	3		90	60	
58	LCE512	Thực tập 2	5		150	100	
59	LCE519	Đề án tốt nghiệp	5		150	100	
		Học phần chuyên môn thay thế Đề án tốt nghiệp	5				
60	GET335	Biên dịch 3	3	30	30	90	
61	GET228	Tiếng Anh văn phòng	2	20	20	60	
Tổng:			130				

